

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 02-BK/LTV/2022

Thực phẩm bổ sung
BÁNH GẤU KOALA'S MARCH
NHÂN SÔ CÔ LA TRẮNG

2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-BK/LTV/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

Thực phẩm bổ sung: BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN SÔ CÔ LA TRẮNG

2. Thành phần:

Hỗn hợp kem trắng 60% [(dầu hạt cọ hydro hóa hoàn toàn, dầu cọ, dầu hạt cọ, dầu hạt cải hydro hóa hoàn toàn), đường, lactose, bột whey khử khoáng, sữa bột tách béo, chất nhũ hóa INS322(i)], bột mì, tinh bột bắp, shortening, đường kính trắng, trứng, đường nghịch đảo, chất làm rắn chắc bột calci carbonat INS170(i) (calci: 498 mg/100 g), chất tạo xốp (amoni hydro carbonat INS503(ii)), muối, bột pho mai 0,3%, hương nhân tạo (hương bánh quy, hương sữa, hương vanilla), màu thực phẩm tự nhiên (INS150a), chất tạo xốp (natri hydro carbonat INS500(ii)).

Thông tin lưu ý: sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, trứng và đậu nành, có thể chứa ngũ cốc với gluten, các loại hạt, đậu lupin.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

15 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem “Manufacturing date” và “Best before” trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Sản phẩm được đóng trong màng OPP/MCPP, bên ngoài là hộp giấy.

Khối lượng tịnh: 37 g/hộp.

4.2. Chất liệu bao bì:

Màng OPP/MCPP chuyên dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Thái Lan
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH Lotte Thái Lan
- Địa chỉ: 700/830 Khu số 6, Nongtamlung, Panthong, Chonburi 20160, Thái Lan
- Nhà máy Thái Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Quyết định 38/2008/ QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamine nhiễm chéo trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm cụ thể do Nhà sản xuất xây dựng

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2022

TM. CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM



**Tổng Giám Đốc
YAMADA AKIHIRO**

TIÊU CHUẨN

Thực phẩm bổ sung: BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN SÔ CÔ LA TRẮNG

Số: 02-BK/LTV/2022

I. CHỈ TIÊU CẢM QUAN

- Trạng thái: Hình mặt gấu có nhân kem trắng
- Màu sắc: Màu vàng nâu bánh quy
- Mùi vị: Mùi vị béo ngọt đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi lạ.

II. CHỈ TIÊU HOÁ LÝ:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Độ ẩm	%	3

III. CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG: Áp dụng QCVN 8-2:2011/BYT theo thành phần đường

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Hàm lượng chì	mg/kg	0.5
Hàm lượng asen	mg/kg	1
Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	0.05
Hàm lượng cadimi	mg/kg	1.0

III. CHỈ TIÊU VI SINH: Áp dụng Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 dành cho sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu, đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng)

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Tổng vi sinh vật hiếu khí	Vi khuẩn/g	10^4
Coliforms	Vi khuẩn/g	10
E.Coli	Vi khuẩn/g	3
Staphylococcus aureus	Vi khuẩn/g	10
Bacillus cereus	Vi khuẩn/g	10
Clostridium perfringen	Vi khuẩn/g	10
Tổng bào tử men, mốc	Vi khuẩn/g	10^2

IV. HÀM LƯỢNG HOÁ CHẤT KHÔNG MONG MUỐN: Áp dụng QCVN 8-1:2011/BYT

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Aflatoxin B1	µg/kg	2
Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
AflatoxinM1	µg/kg	0.5
Ochratoxin A	µg/kg	3
Deoxynivalenol	µg/kg	500
Zearalenone	µg/kg	50

V. HÀM LƯỢNG HOÁ CHẤT KHÔNG MONG MUỐN: Áp dụng Quyết định 38/2008/ QĐ-BYT

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
Melamine	mg/kg	2,5

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2022

TM. CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



**Tổng Giám Đốc
YAMADA AKIHIRO**

BẢNG MỨC ĐÁP ỨNG NHU CẦU DINH DƯỠNG TRONG 100g SẢN PHẨM
(Theo thông tư 43/2014/TT-BYT)

Thực phẩm bổ sung: BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN SÔ CÔ LA TRẮNG

Hàm lượng Canxi trong sản phẩm: ~ 498 mg/100g



Nhóm tuổi, giới	Ca (Calcium)
Trẻ nhỏ	
3 tuổi	100 %
4-6 tuổi	83 %
7-9 tuổi	71 %
Nam vị thành niên	
10-12 tuổi	50 %
13-15 tuổi	
16-18 tuổi	
Nam trưởng thành	
19-50 tuổi	71 %
51-60 tuổi	50 %
≥ 60 tuổi	
Nữ vị thành niên	
10-12 tuổi (Chưa có kinh nguyệt)	50 %
10-12 tuổi	
13-15 tuổi	
16-18 tuổi	
Nữ trưởng thành	
19-49 tuổi	71 %
50-60 tuổi	50 %
>60 tuổi	
Phụ nữ mang thai	
3 tháng đầu	50 %
3 tháng giữa	
3 tháng cuối	
Bà mẹ cho con bú (trong suốt cả thời kỳ cho bú)	50 %
6 tháng đầu	
6 tháng sau	

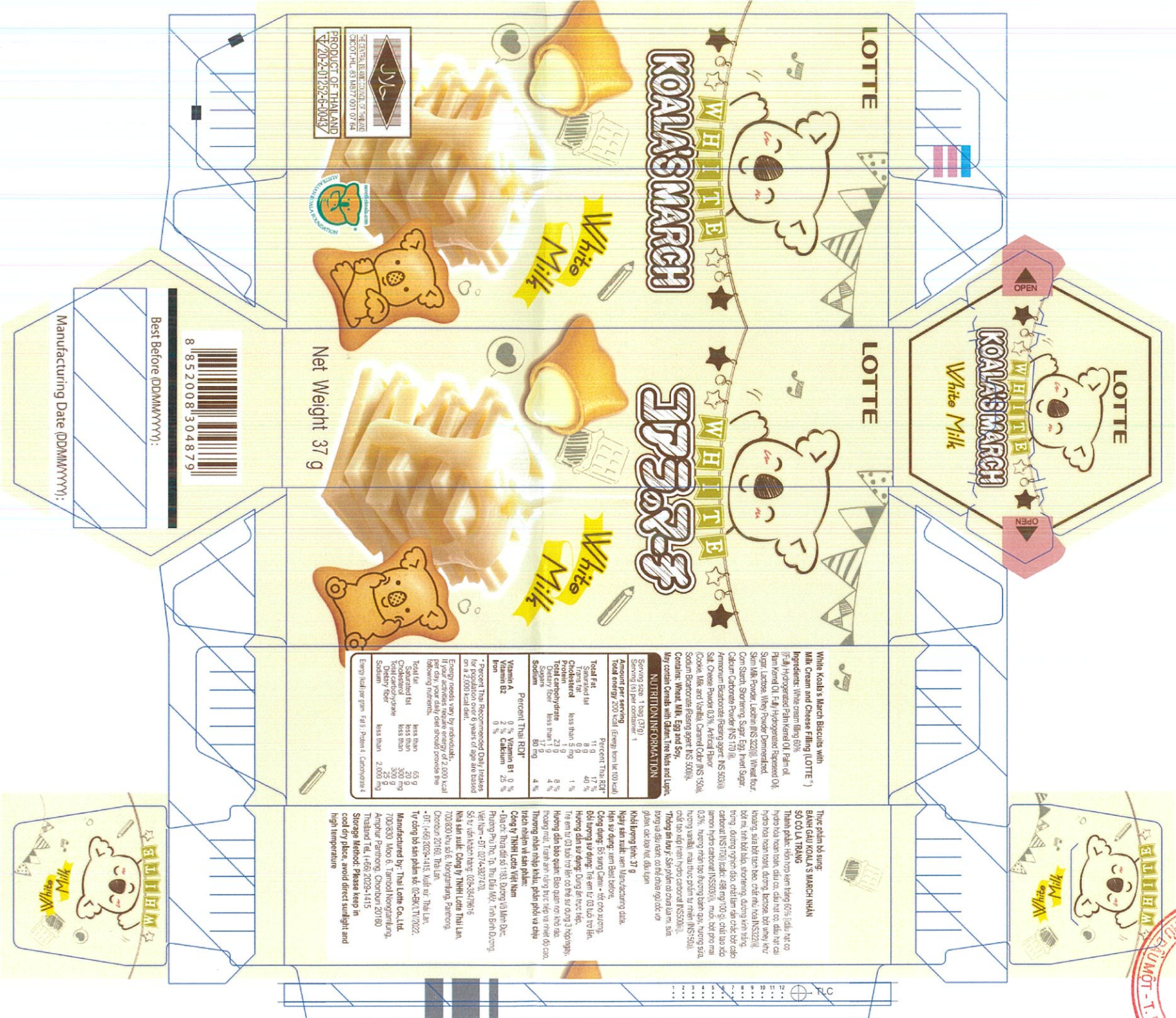
LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Thửa đất số 1183, Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH GẤU KOALA'S MARCH NHÂN SÔ CÔ LA TRẮNG	
Hương		
Loại bao bì	Hộp giấy	
Khối lượng tịnh	37 g	



Phê duyệt TGD	Phê duyệt GDNM	Kiểm tra nội dung Phòng QA
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Nguyễn Thị Hồng Tâm

KT3-02002ATP2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

07/04/2022

Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: BÁNH GẤU KOALA 'S MARCH NHÃN SÔ CÔ LA TRẮNG**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 30/03/2022
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 30/03/2022 – 07/04/2022
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Thửa Đất Số 1183, Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-02002ATP2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 07/04/2022
 Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	QTTN/KT3 136:2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.205) – 1986)	-	1,83
7.2. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596:2007	0,75	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2), µg/kg Total aflatoxin content	TCVN 7596:2007	0,75	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng zearalenone, µg/kg Zearalenone content	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	15	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg Deoxynivalenol content	QTTN/KT3 089:2018	20	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg Aflatoxin M1 content	QTTN/KT3 242:2019	0,02	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-02002ATP2/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/04/2022
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.12. Hàm lượng melamin, µg/kg Melamin content	QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	100	Không phát hiện Not detected
7.13. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.14. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.15. E.Coli, MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-	0
7.16. Staphylococcus aureus, CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.17. Clostridium perfringens, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.18. Bacillus cereus giả định, CFU/g Presumptive bacillus cereus	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.19. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g Total yeasts & moulds	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.